TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. S
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 30-7-2020
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vàng Thị Mai;
2. Ông Lý Sín Phong.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Sầm Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân huyện S,tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa***:
Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.
Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông L X Ch sinh năm 1968;

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố Ph C, thị trấn S M C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

- Bà Gi Th Psinh năm 1968;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M S Ch, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo ủy quyền của bà Gi Th P là ông L X Ch theo hợp đồng ủy quyền ngày 16 tháng 3 năm 2020 - Có mặt

2. Bị đơn: Anh Gi A P sinh năm 1983.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông B Tr T sinh năm 1956

Địa chỉ nơi cư trú: Số nhà X, đường M V T, tổ Y, phường L C, thành phố L C, tỉnh Lào Cai - Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Gi A T sinh năm 1974
- Bà Gi Th D sinh năm 1979

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo ủy quyền của bà Gi Th D là ông Gi A T theo hợp đồng ủy quyền ngày 12 tháng 9 năm 2018 - Có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông S A S sinh năm 1953

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai;

- Ông Gi A V sinh năm 1962

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S Ch, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lòa Cai;

- Ông Giàng A X sinh năm 1956

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M S Ph, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2018, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông L X Ch và bà Gi Th P do ông L X Ch làm đại diện trình bày:

Năm 2006 ông tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và đã trúng đấu giá đối với thửa đất số Z, tờ bản đồ I, diện tích H địa chỉ thửa đất tại thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai với giá 30.000.000 đồng theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2006 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại HUYỆN S. Sau đó gia đình ông đã hoàn thành việc nộp thuế cho Nhà nước. Ngày 22 tháng 11 năm 2006 UBND HUYỆN S, tỉnh Lào Cai ra Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2006 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có hộ ông L X Ch số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AĐ 927767 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00686 hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất: ONT, thời hạn sử dụng đất: Lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Đấu giá quyền sử dụng đất, địa chỉ của thửa đất: Thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vào năm 2013 vợ chồng ông có chuyển nhượng lại thửa đất này cho vợ chồng ông Gi A T bà Gi Th D cùng cư trú tại thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai nhưng chưa làm hợp đồng chuyển nhượng mà chỉ mua bán trao tay với nhau. Năm 2016 thì anh Gi A P tranh chấp thửa đất này và có ý định dựng nhà, cũng vì vậy mà việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông T bà D không thực hiện được; do xảy ra tranh chấp đất mà ngày 27/3/2017 và ngày 20/9/2017 UBND xã S Ch đã tiến hành hòa giải, giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông và anh P, nhưng anh P không đồng ý trả lại đất cho gia đình ông, không cho gia đình ông cũng như gia đình nhà ông T xây dựng nhà trên thửa đất đó, anh P nêu lý do là khu đất này Nhà nước thu hồi để giải phóng mặt bằng xây trường Trung học phổ thông số 2 HUYỆN S nhưng đền bù chưa thỏa đáng. Ngày 28 tháng 9 năm 2017 giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông T bà D đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này, đã được UBND xã S Ch chứng thực hợp đồng nhưng anh P vẫn tranh chấp nên hợp đồng vẫn không thực hiện được. Ngày 05 tháng 3 năm 2020 anh P đã dựng nhà khung sắt lợp mái tôn trên diện đất tranh chấp này. Ông được biết là toàn bộ khu vực đất này đã được UBND HUYỆN S thu hồi của bà S Th P1

(bà P1 là mẹ đẻ của anh P) và đã chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho bà P1 đầy đủ. Vì vậy nay ông giữ nguyên nội dung khởi kiện của mình là đề nghị Tòa án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai công nhận quyền sử dụng thửa đất số Z, tờ bản đồ I, diện tích H địa chỉ thửa đất tại thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông, buộc anh Gi A P phải tháo dỡ ngôi nhà đã dựng trái phép trên thửa đất để vợ chồng ông và vợ chồng ông T bà D hoàn thiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ mà ông Ch đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 927767 đứng tên hộ ông L X Ch; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2017 giữa hộ gia đình ông L X Ch bà Gi Th P với bên nhận chuyển nhượng là ông Gi A T bà Gi Th D; sơ đồ thửa đất số Z, tờ bản đồ I tại xã S Ch, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai; biên bản bàn giao thửa đất cho hộ gia đình ông L X Ch đề ngày 20/2/2007; Biên bản kiểm tra thửa đất ngoài thực địa; bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất số Z; biên bản làm việc về việc tranh chấp đất đai của UBND xã S Ch đề ngày 27/3/2017; biên bản hòa giải tranh chấp đất đai tại thôn S S P đề ngày 20/9/2017; quyết định số 378/QĐ-CT ngày 30/11/2005 của UBND HUYỆN S về việc phê chuẩn dự toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S, kèm bảng tổng hợp dự toán bồi thường; quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND HUYỆN S về việc phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Trường Trung học phổ thông số 2 S M C, kèm theo tổng hợp kinh phí quyết toán đền bù; quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 31/12/2006 của UBNDHUYỆN S về việc phê chuẩn dự toán bổ sung kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Trường Trung học phổ thông Số 2 S Ch, huyện S, kèm tổng hợp kinh phí đền bù; quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 19/9/2012 của UBND HUYỆN S về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng các thửa đất tại xã S Ch, HUYỆN S và danh sách các đối tượng trúng đấu giá cấp QSDĐ năm 2012 các thửa đất tại xã S Ch HUYỆN S; bảng tổng hợp giá đền bù Trường Trung học phổ thông số 2 HUYỆN S; biên bản trả tiền đền bù GPMB cho các hộ dân trong mặt bằng quy hoạch công trình Trường Trung học phổ thông số 2 HUYỆN S 01 bản đề ngày 06/12/2005 và 01 bản đề ngày 28/12/2005; biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 9/3/2006; bảng tổng hợp sử dụng đất của S Th P tháng 10/2005; bảng tự kê số lượng đất, hoa màu của S Th P ngày 27/10/2005; đơn đề nghị bà S Th P tháng 10/2005; giấy xác nhận hộ khẩu thường trú, nơi cư trú của Gi A P và Gi A S; sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Gi A T; chứng minh nhân dân mang tên L X Ch và Gi A T; biên bản trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho các hộ dân trong mặt bằng quy hoạch công trình Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S đề ngày 06/12/2005; giấy xác nhận hộ khẩu thường trú của ông L X Ch; đơn trình bày của ông L X Ch đề ngày 20/7/2018; sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ L X Ch; giấy xác nhận hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của Gi A P đề ngày 16/8/2018; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 927767 đứng tên hộ ông L X Ch được thay đổi nội dung năm sinh của người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các

bản tự khai của ông Ch; hợp đồng ủy quyền lập ngày 16/3/2020;

2. Đề nghị của bị đơn: Tại các bản tự khai, các đơn khởi kiện và tại phiên tòa bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông B Tr Ttrình bày:

Anh Gi A P là con của ông Gi A C bà S Th P (ông Cchết năm 1989 bà P chết ngày 08/01/2013), vào năm 2002 anh P được gia đình chia cho một phần diện tích đất tại vị trí đối diện cổng Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S, tỉnh Lào Cai nhưng chưa làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí thửa đất này có chiều tiếp giáp với mặt đường dài 28m, chiều sâu 53m. Vào năm 2006 (không nhớ ngày tháng) UBND HUYỆN S san gặt mặt bằng Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S đã đổ đất lên phần diện tích đất này, khi đổ đất được sự đồng ý của anh P. Sau đó một thời gian thì ông trưởng thôn tên là Gi A V gọi anh đến UBND xã S Ch để nhận tiền bồi thường, khi anh đến UBND xã S Ch thì Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng nói với anh số tiền anh được bồi thường hơn 3.000.000 đồng, khi đó anh thấy số tiền được bồi thường hơn 3.000.000 đồng là thấp nên không nhận, không ký nhận và cũng không điểm chỉ nhận tiền. Nhưng cho đến nay toàn bộ khu vực đất này đã được UBND huyện thu hồi và bán đấu giá hết phần đất tiếp giáp với mặt đường của anh là vi phạm về việc thu hồi đất của anh. Hiện nay ông L X Ch là người đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số Z, tờ bản đồ I, diện tích H địa chỉ thửa đất tại thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai là trái với quy định của pháp luật nên anh không đồng ý để ông Ch quản lý, sử dụng hoặc chuyển nhượng. Đề nghị Tòa án nhân dân HUYỆN S căn cứ theo quy định của pháp luật hủy Quyết định của UBNDHUYỆN S về việc phê chuẩn dự toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S, tỉnh Lào Cai và Quyết định phê duyệt kết quả trúng đáu giá quyền sử dụng đất tại xã S Ch, HUYỆN S đối với phần diện tích đất thu hồi không đúng của anh. Anh P đã nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét hủy Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 29/11/2005 của UBND huyện về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S, tỉnh Lào Cai đối với phần diện tích đất thu hồi của gia đình anh đồng thời anh cũng đề nghị Tòa án hủy Quyết định 3273/QĐ-UBND ngày 14/11/2006 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại HUYỆN S đối với thửa đất được cấp giấy chứng nhận nằm trên diện tích đất mẹ anh cho anh; Tòa án nhân dân HUYỆN S đã ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự đến Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai để giải quyết vụ án theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; ngày 19 tháng 10 năm 2018 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã thụ lý vụ án; ngày 27 tháng 11 năm 2018 anh P rút đơn khởi kiện vụ án với lý do đã khởi kiện vụ án hành chính; ngày 28 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân tỉnh đã ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự cho Tòa án nhân dân HUYỆN S để giải quyết theo thẩm quyền. Đến này 19 tháng 02 năm 2019 anh P lại nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét hủy Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 29/11/2005 của UBND HUYỆN S về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S, tỉnh Lào Cai đối với phần diện tích đất thu hồi của gia

đình anh đồng thời anh cũng đề nghị Tòa án hủy Quyết định 3273/QĐ-UBND ngày 14/11/2006 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại HUYỆN S đối với diện tích đã được cấp giấy chứng nhận thuộc diện tích đất mẹ anh cho anh; ngày 20 tháng 02 năm 2019 Tòa án lại ra Quyết định chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai Cai để giải quyết vụ án theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; ngày 01 tháng 3 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã thụ lý giải quyết vụ án; đến ngày 19 tháng 3 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án do cần đợi kết quả giải quyết vụ án hành chính có liên quan mới giải quyết được vụ án; ngày 03 tháng 4 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính do thời hiệu khởi kiện đã hết. Ngày 28 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự đến ngày 29 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự cho Tòa án nhân dân HUYỆN S để giải quyết theo thẩm quyền do xét thấy vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Vì vậy mà ngày 02 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai tiếp tục thụ lý giải quyết vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất này. Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa anh P và người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của anh P vẫn cho rằng việc UBND HUYỆN S thu hồi đất của anh là không đúng nên anh không đồng ý để hộ gia đình ông Ch quản lý, sử dụng hoặc chuyển nhượng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông B Tr Tvà anh P đề nghị Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 214 của Bộ luật tố tụng dân sự với lý do: Cần đợi kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan hoặc sự việc được pháp luật quy định là phải do cơ quan tổ chức khác giải quyết mới giải quyết được vụ án và đã nộp tiền án phí phúc thẩm.

Về những tài liệu, chứng cứ mà anh P và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp là ông B Tr Tđã nộp cho Tòa án để chứng minh cho đề nghị của mình là có căn cứ và hợp pháp gồm: Đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2018 và đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2019; bản sao chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà S Th Pcấp ngày 05/10/1998; bản sao chứng thực giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Gi A P; biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 09/3/2006; công văn số 130/TNMT-TH ngày 11/9/2018 của phòng Tài nguyên môi trường; đơn đề nghị của anh P gửi Chủ tịch UBND HUYỆN S đề ngày 20/9/2018; biên bản giao nhận đơn cho ban tiếp công dân; bản phô tô biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu đề tháng 10/2015; đơn xin rút yêu cầu khởi kiện; đơn xin rút yêu cầu phản tố; đơn xin sao lục tài liệu, chứng cứ; đơn xin hoãn phiên thẩm định tại chỗ; đơn trình bày ý kiến của anh P và ông T đề ngày 29/5/2020; đơn đề nghị đưa người tham gia tố tụng; phiếu chuyển đơn; đơn đề nghị xem xét tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; các bản tự khai của anh P.

3. Đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Gi A Tvà bà Gi Th D do ông T làm đại diện theo ủy quyền tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông T trình bày:

Ông với là Gi Th D có mối quan hệ là vợ chồng, do có nhu cầu sử dụng đất nên vợ chồng ông có mua của ông L X Ch bà Gi Th P thửa đất số số Z, tờ bản đồ I, diện tích H địa chỉ thửa đất tại thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai, đến ngày 28 tháng 9 năm 2017 giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông T bà D đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này và đã được UBND xã S Ch chứng thực hợp đồng nhưng đến nay vẫn chưa sang tên quyền sử dụng thửa đất này được. Ngày 12 tháng 3 năm 2020 vợ chồng ông bà đã có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Ch bà Pằng với vợ chồng ông bà là hợp pháp. Ngày 09/7/2020 ông T bà D xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông bà vì việc ông Ch trúng đấu giá quyền sử dụng thửa đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp nên việc vợ chồng ông Ch khởi kiện là chính đáng, sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật ông sẽ thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai.

Về những tài liệu, chứng cứ mà ông T đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho đề nghị của mình là có căn cứ và hợp pháp gồm: đơn trình báo của ông Gi A T đề ngày 23/7/2018; biên bản dừng thi công của UBND xã S Ch đề ngày 02/10/2018; hợp đồng ủy quyền đề ngày 12/9/2018; quyết định số 494/QĐ-UB ngày 15/10/2002; quyết định 135/QĐ-CT ngày 22/10/2002; bảng tổng hợp kinh phí đền bù; bảng tổng hợp sử dụng đất; bản tự kê khai số lượng đất, tài sản, hoa màu; danh sách chi tiền đền bù; bảng tổng hợp áp giá đền bù; danh sách chi trả tiền đền bù; biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu; các bản tự khai của ông Gi A T.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp; ngày 05 tháng 3 năm 2020 anh Gi A P dựng nhà trên thửa đất tranh chấp nên ngày 10 tháng 6 năm 2020 Tòa án tiến hành xem xet, thẩm định tại chỗ tài sản trên đất tranh chấp.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu đề nghị của mình.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm quyền thụ lý giải quyết, việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của Bộ luật tố tụng dân sự; về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại các Điều 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 237 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 75, 76, 78 của Bộ luật tố tụng dân sự

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 38; Điều 39; khoản 2 Điều 41; khoản 1,2,3 Điều 42; khoản 2 Điều 44; khoản 6 Điều 49; khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2003; khoản 5, 7 Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 164; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 139, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xét xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn L X Ch, buộc anh Gi A Pphải có nghĩa vụ tháo dỡ tài sản ngôi nhà cột sắt, lợp mái tôn đã dựng và trả lại ông Ch toàn bộ diện tích thửa đất số Z, tờ bản đồ SĐ-04 diện tích H;

- Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân HUYỆN S;

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông L X Ch phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ;

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Đây là vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất, vị trí đất tranh chấp thuộc xã S Ch, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai nên theo quy định tại Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S M C, tỉnh Lào Cai.

[2] *Về tranh chấp quyền sử dụng đất*:

Tại Quyết định số 494/QĐ-UB ngày 15 tháng 10 năm 2002 về việc thu hồi đất để làm công trình Phòng khám đa khoa xã S Ch, HUYỆN S thu hồi diện tích đất 3.440m^2 đất tại thôn S S P, xã S Ch của gia đình bà S Th P (BL139) gồm:

+ Đất trồng cây lâu năm 2.840m^2;

+ Đất thổ cư 600m^2. Bản tổng hợp kinh phí đền bù đối với bà S Th P tổng cộng được nhận tiền đền bù 58.698.400 đồng, trong đó theo danh sách chi trả tiền đền bù (BL 144) bà P đã nhận 34.698.400 đồng, danh sách chi trả tiền đền bù (BL 146) bà P đã nhận 24.000.000 đồng;

Tại Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 29/11/2005 về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Trường trung học phổ thông số 2, xã S Ch, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai đã thu hồi 2.984m^2 đất của gia đình bà S Th P cụ thể:

+ Đất nương rẫy 2.100m^2;

+ Đất ruộng 01 vụ 884m^2.

Tại các Quyết định số 378/QĐ-CT ngày 30 tháng 11 năm 2005 về việc phê chuẩn dự toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2007 về việc phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S; Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2006 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại HUYỆN S; Bảng tổng hợp áp giá đền bù Trường Trung học phổ thông số 2 HUYỆN S (BL 33) hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng phê duyệt bà P được đền bù 10.056.000 đồng; Biên bản trả tiền đền bù GPMB cho các hộ dân trong mặt bằng quy hoạch công trình Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S đề ngày 06/12/2005 và 01 bản đề ngày 28/12/2005 (các BL 34,35, 36) bà S Th P đã nhận 10.060.000 đồng và không lấy đất để dựng nhà; Bảng tổng hợp sử dụng đất của S Th P tháng 10/2005; Bảng tự kê số lượng đất, hoa màu của S Th P ngày 27/10/2005 thể hiện các trình tự thủ tục khi thu hồi đất;

Văn bản trả lời số 876/UBND-TNMT ngày 20 tháng 9 năm 2018 của UBND HUYỆN S có nội dung: Tháng 11 năm 2006 ông L X Ch trúng đấu giá quyền sử dụng thửa đất số Z, tờ bản đồ SĐ 04, diện tích H được phê duyệt theo kết quả trúng đấu giá các thửa đất tại HUYỆN S thuộc khu đất Nhà nước thu hồi của bà S Th P để thực hiện công trình Trường phổ thông trung học số 2 S M C và được phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng theo Quyết định só 378/QĐ-CT ngày 30/11/2005 của Chủ tịch UBND HUYỆN S;

Văn bản trả lời số 438/UBND-TNMT ngày 15 tháng 5 năm 2020 của UBND HUYỆN S có nội dung: Thửa đất tranh chấp số Z, tờ bản đồ SĐ-04 giữa ông L X Ch với ông Gi A P thuộc khu đất nhà nước thu hồi của bà S Th P để thực hiện công trình Trường Phổ thông trung học số 2 S M C và được phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng theo Quyết định số 378/QĐ-CT ngày 30/11/2005 của Chủ tịch UBND HUYỆN S, việc thu hồi bồi thường đúng quy định của pháp luật, bà S Th P đã nhận được tiền bồi thường đầy đủ; Ông Gi A P không có đất tại khu vực Nhà nước đã thu hồi, giải phóng mặt bằng để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

Biên bản xác minh tại Phòng tài nguyên và môi trường HUYỆN S ngày 27 tháng 5 năm 2020: Đối với thửa đất số Z đang tranh chấp, nguồn gốc thửa đất này là của bà S Th P được UBNDHUYỆN S ban hành Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 29/11/2005 về việc thu hồi đất để xây dựng Trường trung học phổ thông số 2, xã S Ch, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai; bà P đã nhận số tiền đền bù giải phóng mặt bằng 10.060.000 đồng và được ưu tiên mua 01 suất đất tái định cư nhưng bà P không mua; đối với diện tích đất thu hồi theo Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 29/11/2005 của UBND HUYỆN S về việc thu hồi đất để xây dựng Trường trung học phổ thông số 2, xã S Ch,HUYỆN S, tỉnh Lào Cai của bà P không có sơ đồ về việc thu hồi diện tích đất này. Ngoài ra bà P còn hiến đất để làm đường liên xã S Ch đi Thào Chư Phìn và bà P được UBND HUYỆN S ban hành Quyết định thu hồi đất số 494/QĐ-UBND ngày 15/10/2002 về việc thu hồi đất để làm công trình Phòng

khám đa khoa xã S Ch, HUYỆN S bà P đã nhận tổng số tiền đền bù theo quyết định 494 số tiền 58.698.400 đồng;

Theo tinh thần của Quyết định 1249/QĐ-CT ngày 21/7/2000 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt dự án quy hoạch Trung tâm cụm xã S Ch giai đoạn 2000 - 2010 thì diện tích đất tranh chấp trên nằm trong quy hoạch sắp xếp dân cư trung tâm cụm xã S Ch và được đền bù giải phòng mặt bằng từ nguồn vốn xây dựng công trình Trường phổ thông trung học số 2 S M C năm 2005, quá trình xây dựng trường diện tích đất này đã được lấp đầy, san phẳng phù hợp để sắp xếp dân cư theo quy hoạch, khi công trình trường học được xây dựng xong Ban quản lý các công trình xây dựng cơ bản Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai đã bàn giao diện tích đất trên về cho UBND HUYỆN S quản lý, sử dụng đất.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã ra quyết định yêu cầu anh P cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc anh được gia đình chia cho một phần diện tích đất đối với diện tích đất đối diện cổng Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S + chứng cứ về việc anh được gọi đến UBND xã S Ch để nhận số tiền hơn 3.000.000đồng + chứng cứ về việc Tòa án nhân dân Tối cao đã nhận được đơn đề nghị xem xét lại theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với QĐ đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 68/2019/QĐ-PT ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội. Nhưng đối với chứng cứ về việc anh được mẹ anh cho diện tích đất tại vị trí đối diện cổng Trường trung học phổ thông số 2 HUYỆN S và chứng chứng cứ về việc anh được gọi đến UBND xã S Ch để nhận số tiền hơn 3.000.000đồng thì anh không cung cấp được mà anh đề nghị Tòa án tiến hành lấy lời khai của các ông S A S, Gi A V, Gi A X; Tại các biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa ông Sèo trình bày ông có quan hệ với anh P là cậu cháu, việc thu hồi đất để làm phòng khám đa khoa khu vực Sín Chéng đã đền bù cho gia đình bà P còn dãy đất mặt đường chưa đền bù, chỉ đền bù mấy thửa ruộng bị lấp bên dưới, sau đó nhà nước có đền bù cho bà P1 không thì ông không biết, việc cháu P đang sử dụng diện tích đất tranh chấp là đúng, các cấp có thẩm quyền khẳng định đã đền bù thì phải có hồ sơ; Ông V trình bày trong thời gian từ năm 2002 đến năm 2006 ông làm trưởng thôn S S P, xã S Ch, huyện S ông được biết bà P1 cho đất anh P để ra ở riêng nhưng cụ thể tại vị trí nào và bao nhiêu m^2 và tách sổ chưa thì ông không biết, chỉ biết vị trí bà P1 cho anh P giáp phòng khám đa khoa khu vực xã S Ch, ông được biết là bà P đã được nhận tiền bồi thường số tiền hơn 10.000.000 đồng là số tiền do khi san gạt mặt bằng để xây Trường phổ thông trung học số 2 S M C gặp trời mưa đất trôi xuống ruộng nhà bà P1 không canh tác được, ngoài ra bà P1 có được nhận khoản bồi thường hay hỗ trợ gì nữa không ông không biết, còn việc UBND xã gọi anh P đến để nhận số tiền 3.000.000 đồng và anh P không đồng ý, không nhận tiền là đúng; Ông X trình bày thời gian từ năm 2002 đến năm 2012 ông làm chủ tịch UBND xã S Ch, khi nhà nước làm công trình công cộng ông đã làm công tác tư tưởng cho bà P1 và bà P đã tự nguyện hiến đất cho nhà nước, sau đó nhà nước thu hồi đền bù đất của bà P1 theo đúng quy định của pháp luật, hồ sơ thu hồi được lưu tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc anh P trình bày được gọi đến để nhận số tiền hơn 3.000.000 đồng thì ông không nắm được vì thời gian đó

ông đang đi học văn hóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên, ông khẳng định nhà nước thu hồi đất của bà P1 và đền bù cho bà P1, không thu hồi đất và đền bù cho anh P; Chứng cứ về việc Tòa án nhân dân tối cao đã nhận được đơn đề nghị xem xét lại theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với QĐ đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 68/2019/QĐ-PT ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội thì phía bị đơn chỉ nộp được cho Tòa án bản chứng thực Phiếu chuyển đơn số 118/PC-TACC ngày 04/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao gửi Tòa án nhân dân tối cao.

Việc bà P1 cho đất anh P chỉ thể hiện bằng miệng là không có căn cứ; diện tích đất mà hiện nay đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Gi Th P1 mà bà P1 đã được nhận tiền đền bù rồi, nên anh P không có quyền sử dụng đối với vị trí đất này.

Việc ông B Tr T và anh P đề nghị Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 214 của Bộ luật tố tụng dân sự với lý do: Cần đợi kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan hoặc sự việc được pháp luật quy định là phải do cơ quan tổ chức khác giải quyết mới giải quyết được vụ án và đã nộp tiền án phí phúc thẩm. Về yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án, sau khi Hội đồng xét xử xem xét không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, về việc anh P nộp tiền án phí là án phí để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm chứ không phải án phí theo thủ tục nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do vậy, việc anh P cho rằng Nhà nước thu hồi vị trí đất này nhưng đền bù chưa thỏa đáng và việc ông V gọi anh đến nhận tiền bồi thường số tiền được hơn 3.000.000đồng, chứng cứ là bản sao chứng thực được sao từ bản phô tô biên bản nhận tiền đền bù ngày 09 tháng 3 năm 2006 người nhận tiền 2.500.000 đồng ký là Gi S P phía bị đơn cho rằng người nhận tiền không phải là anh P là không có giá trị, không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L X Ch bà Gi Th P với ông Gi A Tbà Gi Th D chứng thực tại UBND xã S Ch ngày 28 tháng 9 năm 2017, tuy hai bên không có tranh chấp về hợp đồng và đã thanh toán đầy đủ tiền chuyển nhượng với nhau nhưng vi phạm vào điều kiện thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013: đất phải không có tranh chấp. Do vậy, khi hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất này khi anh P vẫn đanh tranh chấp nên hợp đồng không có hiệu lực, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì hai bên mới có quyền tiếp tục thực hiện hợp đồng.

[3] *Về tài sản trên diện tích đất tranh chấp*:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 6 năm 2020 thì tài sản trên thửa đất số Z là: Nhà khung sắt, thép hình, diện tích 112,5m^2 (rộng mặt trước 7,4m, rộng mặt sau 7,6m, chiều dài 15m);

- Nền nhà bê tông xi măng dày 10cm;
- Khung: Thép tròn mạ kẽm phi 90x1,5mm; nhà có 06 cột chôn xuống nền nhà được chia 2 bên nhà, 04 cột (02 cột trước; 02 cột sau) phi 90 x 1,5mm cao 4,7m; 02 cột giữa phi 90 x 1,5mm cao 5,5m;

- Nhà có 01 gác xép diện tích 2,28 x 3,6 x 2,8m, 05 cột sắt phi 60 x 1,5mm; xà gồ thép hộp mạ kẽm 25 x 50 x 1,5mm; sàn ốp ván lịa gỗ dày 1,5cm có 01 cầu tháng sắt đi lên gác xép;

- Vách trước và vách sau nhà khung thép hộp 40 x 80 x 1,5mm, ốp tôn thường dày 0,35ly màu xanh;

- Mái nhà: Vì kèo thép hộp 40 x 80 x 1,5mm, xà gồ thép hộp mạ kẽm 40 x 80 x 1,5mm; mái lợp tôn thường dày 0,35ly màu xanh;

- Mái hiên phía trước và phía sau nhà:

+ Mái phía trước nhà: Mái tôn, diện tích 4,7 x 7,4m; cột sắt phi 60 x 1,5mm, xà gồ sắt hộp mạ kẽm 25 x 50 x 1,5mm; 03 vì kèo sắt 40 x 80 x 1,5mm. Vì kèo liên kết hàn với cột nhà. Trong đó diện tích 2,1 x 7,4m nằm trên đất hành lang giao thông, phần diện tích còn lại được xây dựng trên thửa đất số Z;

+ Mái phía sau nhà: Mái tôn, diện tích 5,4 x 7,6m; gồm 03 cột gỗ phi 17, xà gồ thép hộp mạ kẽm 25 x 50 x1,5mm; vì kèo thép hộp mạ kẽm 40 x 80 x 1,5mm; hệ thống vì kèo liên kết với cột nhà. Phần diện tích mái tôn phía sau được xây dựng trên phần diện tích đã giải phóng mặt bằng, phần còn lại được dựng trên diện tích thửa đất số Z;

- Cửa nhà:

+ Cửa sau: Khung sắt, ván gỗ; rộng 1,22m; cao 2,4m (01 cánh cửa);

+ Cửa trước: Khung sắt, ván gỗ; gồm 02 cánh cửa mỗi cánh cửa rộng 0,82m x 2,4m;

Hai bên nóc nhà chỉ ốp tôn phần nóc dọc theo nhà.

Do ngôi nhà được dựng trên thửa đất của hộ ông L X Ch nên cần buộc anh Gi A P phải tháo dỡ toàn bộ.

[4] *Về biện pháp khẩn cấp tạm thời*: Ngày 05 tháng 3 năm 2020 Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT. Nay nhận thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nữa nên cần hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai.

[5] *Về nghĩa vị chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Nguyên đơn ông L X Ch đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng, tại phiên tòa ông Ch nhận chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Đương sự phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 38; Điều 39; khoản 2 Điều 41; khoản 1, 2, 3 Điều 42; khoản 6 Điều 49 của Luật đất đai năm 2003; khoản 5, 7 Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 164; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 112; điểm a khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 139; khoản 1 Điều 147; Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quyền sử dụng đất*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L X Ch bà Gi Th P. Công nhận thửa đất số Z, tờ bản đồ I, diện tích H số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AĐ 927767 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00686 hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất: ONT, thời hạn sử dụng đất: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: đấu giá quyền sử dụng đất, địa chỉ của thửa đất: thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai do UBND HUYỆN S cấp cho ông L X Ch bà Gi Th P ngày 22/11/2006 có vị trí chiều dài cạnh, các chiều tiếp giáp: từ cạnh 1 đến cạnh 2 (cạnh mặt đường đi xã Th Ch Ph):7m; từ cạnh 2 đến cạnh 3 (tiếp giáp với thửa đất số 28 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Tải Văn Tiến vợ là Vàng Thị Môn): 15m; từ cạnh 3 đến cạnh 4: (phía sau của thửa đất giáp diện tích đất đã được giải phòng mặt bằng): 7m; từ cạnh 4 đến cạnh 1 (giáp thửa đất số 30 người sử dụng đất là ông Gi A P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa nộp tiền sử dụng đất, hiện nay vợ chồng ông Ma Seo Phần bà Gi Th Cá đã nhận chuyển nhượng lại nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định, nay gia đình nhà ông Phần đang xây nhà trên diện tích đất này: Thuộc quyền sử dụng của L X Ch bà Gi Th P.

Buộc anh Gi A P phải trả lại cho hộ ông L X Ch bà Gi Th P thửa đất số Z, tờ bản đồ SĐ-04 đã nêu trên cho ông L X Ch bà Gi Th P.

2. *Về tài sản trên diện tích đất*: Buộc anh Gi A P phải có nghĩa vụ tháo dỡ ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của anh Gi A P có đặc điểm: Nhà khung sắt, thép hình, diện tích 112,5m^2 (rộng mặt trước 7,4m, rộng mặt sau 7,6m, chiều dài 15m);

- Nền nhà bê T xi măng dày 10cm;
- Khung: Thép tròn mạ kẽm phi 90x1,5mm; nhà có 06 cột chôn xuống nền nhà được chia 2 bên nhà, 04 cột (02 cột trước; 02 cột sau) phi 90 x 1,5mm cao 4,7m; 02 cột giữa phi 90 x 1,5mm cao 5,5m;
- Nhà có 01 gác xép diện tích 2,28 x 3,6 x 2,8m, 05 cột sắt phi 60 x 1,5mm; xà gồ thép hộp mạ kẽm 25 x 50 x 1,5mm; sàn ốp ván lịa gỗ dày 1,5cm có 01 cầu tháng sắt đi lên gác xép;
- Vách trước và vách sau nhà khung thép hộp 40 x 80 x 1,5mm, ốp tôn thường dày 0,35ly màu xanh;
- Mái nhà: Vì kèo thép hộp 40 x 80 x 1,5mm, xà gồ thép hộp mạ kẽm 40 x 80 x 1,5mm; mái lợp tôn thường dày 0,35ly màu xanh;
- Mái hiên phía trước và phía sau nhà:

+ Mái phía trước nhà: Mái tôn, diện tích 4,7 x 7,4m; cột sắt phi 60 x 1,5mm, xà gồ săt hộp mạ kẽm 25 x 50 x 1,5mm; 03 vì kèo sắt 40 x 80 x 1,5mm. Vì kèo liên kết hàn với cột nhà. Trông đó diện tích 2,1 x 7,4m nằm trên đất hành lang giao thông, phần diện tích còn lại được xây dựng trên thửa đất số Z;

+ Mái phía sau nhà: Mái tôn, diện tích 5,4 x 7,6m; gồm 03 cột gỗ phi 17, xà gồ thép hộp mạ kẽm 25 x 50 x1,5mm; vì kèo thép hộp mạ kẽm 40 x 80 x 1,5mm; hệ thống vì kèo liên kết với cột nhà. Phần diện tích mái tôn phía sau được xây dựng

trên phần diện tích đã giải phòng mặt bằng, phần còn lại được dựng trên diện tích thửa đất số Z;

- Cửa nhà:

+ Cửa sau: Khung sắt, ván gỗ; rộng 1,22m; cao 2,4m (01 cánh cửa);

+ Cửa trước: Khung sắt, ván gỗ; gồm 02 cánh cửa mỗi cánh cửa rộng 0,82m x 2,4m; hai bên nóc nhà chỉ ốp tôn phần nóc dọc theo nhà. Để trả lại cho ông ông L X Ch bà Gi Th Pthửa đất số Z, tờ bản đồ SĐ-04 diện tích H, số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AĐ 927767 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00686 do UBNDHUYỆN S cấp cho ông L X Ch bà Gi Th P ngày 22/11/2006; địa chỉ của thửa đất thôn S S P, xã S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai.

3. *Về biện pháp khẩn cấp tạm thời*: Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai.

4. *Về nghĩa vị chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Nguyên đơn ông L X Ch và bà Gi Th P phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng số tiền 3.000.000đồng. Xác nhận ông L X Ch đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Ông L X Ch và bà Gi Th P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông L X Ch số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003721 ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN S, tỉnh Lào Cai.

Anh Gi A P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- Các đương sự (5);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng